

# Dân tộc và vấn đề dân tộc trong nghiên cứu Lịch sử Việt Nam

Phạm Hồng Tung\*

*Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển, ĐHQGHN, 336 Nguyễn Trãi, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 06 tháng 10 năm 2016

Chỉnh sửa ngày 18 tháng 10 năm 2016; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 11 năm 2016

**Tóm tắt:** Dân tộc và chủ nghĩa dân tộc là những vấn đề quan trọng bậc nhất trong nghiên cứu lịch sử nói chung và nghiên cứu Lịch sử Việt Nam nói riêng. Trong bài tham luận này, tác giả cố gắng chỉ ra quan điểm và cách thức giải quyết vấn đề dân tộc của các thế hệ sử gia Việt Nam. Trên cơ sở đó, tác giả đã đi sâu phân tích tám vấn đề cơ bản mà giới nghiên cứu về Lịch sử Việt Nam ở cả Việt Nam và ở nước ngoài đã và đang quan tâm nghiên cứu, tranh luận sôi nổi, trong đó đặc biệt là các vấn đề định nghĩa dân tộc, nguồn gốc và sự ra đời của dân tộc Việt Nam, mối quan hệ giữa chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa yêu nước, quá trình dân tộc và sự phát triển của dân tộc Việt Nam, tính thống nhất và các đặc điểm của dân tộc Việt Nam, v.v... Tác giả không chỉ nêu ra ý kiến của mình về từng vấn đề mà còn gợi mở cho các nghiên cứu tiếp theo về vấn đề dân tộc và chủ nghĩa dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa.

*Từ khóa:* Dân tộc, Chủ nghĩa dân tộc, Nghiên cứu lịch sử, Lịch sử Việt Nam.

## 1. Vấn đề dân tộc và chủ nghĩa dân tộc trong nghiên cứu lịch sử

Vấn đề dân tộc là một trong những nội dung quan trọng nhất của nhận thức lịch sử. Điều này nghiệm đúng với cả nhận thức dân gian về lịch sử cũng như với khoa học lịch sử. Nhu cầu nhận thức lịch sử của nhân loại đã xuất hiện từ rất sớm, ngay từ khi xã hội loài người xuất hiện dưới những hình thức sơ khai nhất. Khi đó, nhận thức lịch sử đơn giản chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu của cộng đồng đối với việc hiểu biết và lưu truyền ký ức dân gian về cội nguồn và về bản sắc của mình, và để phân biệt với các cộng đồng láng giềng.

Đến khi sử học ra đời thì vấn đề nguồn gốc, đặc tính và bản sắc của các cộng đồng người, của các nhà nước, các dòng họ, v.v... vẫn tiếp tục là những nội dung chiếm giữ vị trí quan

trọng nhất. Về sau này, khi các loại hình dân tộc đã hình thành với tính cách là một hình thức tổ chức cộng đồng xã hội phức hợp hiện đại, thì nhận thức về cội nguồn và con đường hình thành dân tộc, về đặc trưng và bản sắc văn hóa của dân tộc vẫn tiếp tục là những nội dung quan yếu nhất trong nhận thức của các dân tộc về bản thân mình và về những cộng đồng dân tộc khác. Tri thức về cội nguồn cùng với các tri thức khác về lịch sử và văn hóa của dân tộc chính là những nền tảng quan trọng của tâm lý dân tộc và ý thức dân tộc.

Với ý nghĩa như vậy, có thể hiểu rằng ý thức dân tộc đã mạnh mẽ hình thành và phát triển trước khi cộng đồng dân tộc thực sự ra đời. Do đó, trong nghiên cứu lịch sử dân tộc, vấn đề thứ nhất đặt ra chính là nghiên cứu về những con đường hình thành dân tộc, về ý thức cội nguồn và những hình thức biểu đạt của ý thức về cội nguồn, về những điều kiện chủ quan và khách quan cũng như những đặc tính riêng

\*ĐT.: 84-913004068

Email: phamtung63@gmail.com

của các cộng đồng người trong các giai đoạn tiền dân tộc.

Đương nhiên, dân tộc là một vấn đề rộng lớn, không chỉ bao gồm vấn đề nguồn gốc và các con đường hình thành dân tộc. Một loạt các vấn đề khác liên quan đến dân tộc, như nội dung và các hình thức biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc; nguồn gốc và đặc trưng của chủ nghĩa dân tộc; mối quan hệ giữa chủ nghĩa dân tộc, ý thức dân tộc với chủ nghĩa yêu nước và ý thức cộng đồng; bản chất và đặc điểm của dân tộc với tính chất là một loại hình cộng đồng người trong lịch sử; mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp, nhà nước, với chủng tộc, tộc người và với quốc gia; mối quan hệ giữa các dân tộc và giữa các quốc gia, v.v....

Mỗi vấn đề nêu trên đều đã và đang là chủ đề tranh luận sôi nổi trong giới nghiên cứu khoa học xã hội trên toàn thế giới, trong đó đặc biệt là trên các lĩnh vực sử học, dân tộc học, nhân học, văn hóa học, xã hội học, khu vực học và khoa học chính trị. Riêng đối với sử học, dân tộc không chỉ là một nội dung cốt yếu mà còn là một nội dung rộng lớn, bao trùm của khoa học lịch sử, dù người ta tiếp cận lịch sử nhân loại từ góc độ chung nhất (*general history*) hay từ bất kỳ khía cạnh nào: lịch sử chính trị, lịch sử kinh tế, lịch sử xã hội, lịch sử văn hóa, lịch sử quân sự hay lịch sử tư tưởng. Thậm chí, có những nghiên cứu lịch sử mà xuất phát điểm là nhằm đề phủ nhận chủ nghĩa dân tộc và vấn đề dân tộc thì trước sau cũng không thể né tránh vấn đề dân tộc.

Đặc biệt, từ khi xuất hiện loại hình biên soạn lịch sử dân tộc (*national history*) với nội dung cốt lõi là lịch sử quá trình dân tộc (*national building process*), thì vấn đề dân tộc càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Nói theo cách của Edward Hallett Carr trong công trình nổi tiếng của mình "Lịch sử là gì?": "*Sử học là quá trình tương tác qua lại giữa nhà sử học và sử liệu của anh ta*", và do đó, "*là cuộc đối thoại không bao giờ dứt giữa hiện tại và quá khứ*" [1]. Như thế, vấn đề luôn luôn đặt ra với mỗi nhà sử học, bất kể ông hay bà ta thuộc về trường phái sử học nào, khi cầm bút viết "lịch sử dân tộc", đều phải trả lời câu hỏi: ta

đang tham gia vào "cuộc đối thoại" với cộng đồng dân tộc nào trong lịch sử đây?" Nếu không trả lời được rành mạch câu hỏi này thì rất dễ xảy ra tình trạng nhà sử học chọn nhầm đối tượng cho cuộc "đối thoại" học thuật của mình. Cho nên, cứ mỗi khi có một cách tiếp cận, một cách luận giải hay một lý thuyết khoa học mới về vấn đề dân tộc và con đường hình thành dân tộc ra đời thì các bộ "lịch sử dân tộc" đã và đang tồn tại lại phải đương đầu với thử thách sống còn: chúng có còn thực sự xứng đáng được coi là một sự trình bày khoa học về "lịch sử dân tộc" hay không?

## 2. Vấn đề dân tộc và quá trình dân tộc trong nghiên cứu lịch sử Việt Nam

Nhìn vào lịch sử sử học Việt Nam, có thể thấy rất rõ rằng vấn đề dân tộc đã được quan tâm từ rất sớm. Một trong những bằng chứng rõ ràng nhất là sự ra đời sớm của những bộ "quốc sử", trong đó tiêu biểu nhất là bộ *Đại Việt sử ký* do Lê Văn Hưu biên soạn, hoàn thành vào năm 1272 dưới triều Trần và bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* do Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Hậu Lê biên soạn, cơ bản hoàn chỉnh vào năm 1479.

Trong thời kỳ quân chủ, việc biên soạn "quốc sử" trước hết được coi như một dấu hiệu, một chuẩn mực của một quốc gia văn hiến. Ngô Sĩ Liên viết: "Sử để ghi việc, mà việc hay hoặc dở đều làm gương răn cho đời sau." [2] và do đó: "Văn phong nổi mạnh, vừa khi vận lớn dấy lên, sử bút trau dồi, soạn chép mỗi rường đời trước" [3]. Đồng thời, việc soạn "quốc sử" cũng là một dạng thức tuyên ngôn về quốc gia - dân tộc. Vẫn lời Ngô Sĩ Liên: "Nước Đại Việt ở phía nam Ngũ Lĩnh, thế là trời đã phân chia giới hạn Nam - Bắc. Thủy tổ của ta là dòng dõi họ Thần Nông, thế là trời sinh chân chúa, có thể cùng với Bắc triều mỗi bên làm đế một phương". Và: "Sách Đại Việt sử ký chép chính sự của đế vương thời trước. Kể từ khi kể nổi mở cõi nước Nam, thật đối ngang triều Bắc. Dòng mỗi ức vạn năm, với trời không cùng; vua giỏi sáu bảy vị, so xưa có sáng. Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau, mà hào kiệt đời nào cũng có" [4].

Có thể thấy, không chỉ vấn đề dân tộc, bao gồm nguồn gốc dân tộc, đại thống dân tộc, đặc điểm, chủ quyền, cương vực mà cả hào khí dân tộc, ý thức dân tộc cũng được toát lên rất rõ từ các bộ sử cũ của Việt Nam.

Càng về sau, vấn đề dân tộc và chủ nghĩa dân tộc càng được giới sử gia Việt Nam quan tâm mạnh mẽ hơn. Đặc biệt là trong thời kỳ cận đại, trong bối cảnh "nước mất, nhà tan" thì chính lịch sử dân tộc lại được các thế hệ lãnh tụ của phong trào yêu nước và cách mạng quan tâm đặc biệt, một mặt vừa thông qua việc thức tỉnh ý thức về lịch sử dân tộc để thức tỉnh và hun đúc lòng yêu nước của quần chúng nhân dân, và quan trọng hơn, nghiên cứu, đúc rút từ lịch sử dân tộc những kinh nghiệm quý báu phục vụ cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và chấn hưng đất nước.

Phan Bội Châu chính là người đi tiên phong theo hướng này. Năm 1905, ngay sau những cuộc bút đàm với Lương Khải Siêu trên đất Nhật Bản, ông đã "gạt nước mắt và viết cuốn *Việt Nam vong quốc sử*" [5]. Tuy là một tài liệu tuyên truyền, tập trung vào việc trình bày lịch sử của quá trình nước ta rơi vào tay người Pháp, phân tích tình cảnh khốn cùng của nhân dân ta dưới ách thống trị của người Pháp, đồng thời ca ngợi, tôn vinh những tấm gương xả thân cứu nước của các bậc anh hùng từng lãnh đạo phong trào kháng chiến và khởi nghĩa chống Pháp, nhưng *Việt Nam vong quốc sử* đã mang dáng dấp của một cuốn sử dân tộc hiện đại, khác xa cách "chép sử" truyền thống. Đặc biệt, khi phân tích về nguyên nhân làm cho nước nhà lạc hậu, yếu hèn, cuối cùng bị rơi vào ách nô dịch của người Pháp, Phan Bội Châu đã đưa ra một cái nhìn mới, đầy tinh thần "tự phán": "Người Việt bây giờ tự coi là mẫn túc, ôm vàng vênh váo, ếch ngồi đáy giếng không trông thấy trời, văn vui chơi, võ yên nghỉ, ngày càng thậm tệ. Trong khi ấy về chính giáo thì chất chứa hủ lậu, mọi việc đều phỏng Minh Thanh, văn nhân thì khư khư giữ theo sách cũ, tự khoe đặc chí; võ sĩ thì cốt cờ trống mĩ quan, côn quyền coi như trò chơi, tự cho là không ai hơn được. Đáng bi hơn hết là ức chế dân quyền, coi thường dư luận, phàm bản việc quốc gia đại kế, nhân dân chỉ

được ở ngoài ngoài rồi than thở mà thôi." và ông kết luận: "Đây là nguyên nhân chính đầu tiên của người Pháp lấy Việt Nam vậy" [6].

Quan trọng hơn, từ cách phân tích của mình Phan Bội Châu đã mang đến một cách nhìn nhận hoàn toàn mới về lịch sử dân tộc: không chỉ gắn vận nước với dân mà còn đặt phạm trù "dân" vào vị trí trung tâm của hệ luận dân tộc, vào chiến lược cứu nước. Ông lập luận: "Nước ta không phải là gia tài, tổ nghiệp của dân ta hay sao? Dân nước ta không phải là chủ nhân đời đời giữ gia tài, tổ nghiệp này chăng?" Do đó: "Nước ta đã hẳn là gia tài tổ nghiệp của dân ta rồi, bỏ mất nó là dân ta, thì thu phục nó tất cũng phải do dân ta làm" [7]. Có thể xem đây là một cuộc cách mạng trong nhận thức về vấn đề dân tộc.

*"Người dân ta, của dân ta,*

*Dân là dân nước, nước là nước dân"* [8].

Tuy nhiên, cách nhìn nhận của Phan Bội Châu và thế hệ các nhà Nho cấp tiến đầu thế kỷ 20 về vấn đề "nước" và "dân" đều ít nhiều chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa Đắc-uy-n xã hội. Đối với Phan Bội Châu và các nhà Nho thời ấy, đoàn kết toàn dân để cứu nước, để duy tân có nghĩa là đoàn kết giống nòi, là "hợp quần", "hợp chủng" trong cuộc cạnh tranh sinh tồn "ưu thắng, bại liệt":

*"Đã sinh cùng giống cùng nòi,*

*Cùng chung đất nước là người cố thân.*

*Coi như ruột thịt cho gần,*

*Phải thương phải xót quây quần lấy nhau.*

*Phúc cùng hưởng, họa cùng đau,*

*Một gan một dạ ghi sâu chữ "đồng"*

*Mãi sau trời có chiều lòng,*

*Đời đời để giống Lạc Hồng lại cho"* [9]

Và xa rộng hơn nữa, "đoàn kết quốc tế" cũng đặt trên quan niệm "đồng văn, đồng chủng, đồng châu":

*"Gương Nhật Bản, đất Á Đông,*

*Giống ta, ta phải soi trông kẻ nhâm".*

Tròn hai thập kỷ sau, quan niệm về dân tộc và lịch sử dân tộc trong phong trào yêu nước và cách mạng thời cận đại lại đạt được một bước tiến xa hơn với sự xuất hiện của một thế hệ trí thức "Tây học" - thế hệ nắm giữ vai trò lãnh đạo trong cuộc vận động yêu nước, cách mạng

và các phong trào văn hóa, xã hội. Người tiêu biểu nhất trong thế hệ đó chính là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Xuất thân từ một gia đình có truyền thống Nho học, lại được hưởng thụ nền giáo dục Tây học hiện đại, sau một thời gian bôn ba tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin và trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên, cũng là một trong những thành viên sáng lập của Đảng Cộng sản Pháp vào tháng 12 năm 1920. Năm 1923, Hồ Chí Minh được cử sang Liên Xô, học tập và công tác tại Quốc tế Cộng sản. Chỉ một thời gian ngắn sau, Người đã công bố trên một tờ báo của Quốc tế Cộng sản những luận điểm vô cùng quan trọng của mình về phương pháp tiếp nhận và vận dụng chủ nghĩa Mác. Hồ Chí Minh đặt vấn đề: "Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại." Do vậy, cần phải "Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông." Bởi lẽ: "Dù sao thì cũng không thể cấm bỏ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được" [10]. Đây là thái độ thực sự khoa học và cách mạng trong tiếp nhận và vận dụng chủ nghĩa Mác, đúng như Engen đã đòi hỏi, rằng chủ nghĩa Mác là một khoa học và phải đối xử với nó như một khoa học.

Với thái độ và cách tiếp cận như vậy, Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên vận dụng học thuyết của Mác để nhìn nhận về diễn trình lịch sử văn minh phương Đông, trong đó có Việt Nam, và nêu ra một cảnh báo có ý nghĩa khoa học và thực tiễn hết sức to lớn: "Mác cho ta biết rằng sự tiến triển các xã hội trải qua ba giai đoạn: chế độ nô lệ, chế độ nông nô, chế độ tư bản; và trong mỗi giai đoạn ấy, đấu tranh giai cấp có khác nhau. Chúng ta phải coi chừng! Các dân tộc ở Viễn Đông có trải qua hai giai đoạn đầu không?" [11]. Đây chính là vấn đề tiếp nhận và vận dụng chủ nghĩa duy vật lịch sử nói chung và lý luận về sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội của Mác vào xem xét,

nghiên cứu lịch sử dân tộc - một trong những vấn đề căn cốt, sẽ gây ra nhiều cuộc tranh luận trong giới sử gia Việt Nam sau này. Điều đáng ngạc nhiên là, ngay từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã chỉ ra một cách chính xác những đặc điểm riêng trong vận động lịch sử của các dân tộc Á Đông, và đi tới nhận thức đúng đắn, rằng "Cuộc đấu tranh giai cấp [ở phương Đông] không diễn ra giống như ở phương Tây" [12].

Trên cơ sở như vậy, Hồ Chí Minh đã nêu ra quan điểm của mình về chủ nghĩa dân tộc, rằng "Chủ nghĩa dân tộc là động lực to lớn". Thậm chí Người còn cho rằng đó là "động lực vĩ đại và duy nhất" của đời sống xã hội của người Việt Nam. Và vì vậy, phải phát động chủ nghĩa dân tộc trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội.

Đó chính là nền tảng nhận thức luận của Hồ Chí Minh trong quá trình Người chuẩn bị về lý luận và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng Sản Việt Nam vào đầu năm 1930. Đáng tiếc là trong thời kỳ đó, lãnh đạo Quốc tế Cộng sản chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của tư tưởng Stalin, cường điệu hóa tới mức độc tôn lý luận về đấu tranh giai cấp, phủ nhận và kỳ thị chủ nghĩa dân tộc, thậm chí coi chủ nghĩa dân tộc như mặt đối lập của chủ nghĩa cộng sản. Trong suốt hơn một thập kỷ sau đó, quan điểm, đường lối cách mạng Hồ Chí Minh của Hồ Chí Minh bị phê bình nặng nề tại Quốc tế Cộng sản và bị "tẩy trừ" trong Đảng Cộng sản Đông Dương. Bản thân Hồ Chí Minh cũng bị kiểm điểm, bị cô lập, đặt ra "*bên ngoài các hoạt động của Đảng*". Đây là lý do căn bản nhất khiến cho Đảng Cộng sản Đông Dương bị sa vào căn bệnh "tả khuynh, cô độc, biệt phái". Tuy lãnh đạo cuộc đấu tranh "phản đế" và "phản phong" ở một nước thuộc địa, nhưng trong các tài liệu tuyên truyền của mình, suốt từ tháng 10 năm 1930 cho tới trước tháng 5 năm 1941, hầu như không bao giờ Đảng nhắc tới tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc. Các khái niệm "đồng bào", "con Lạc, cháu Hồng" hay các biểu tượng có sức lay động mạnh mẽ tinh thần yêu nước và ý thức dân tộc như Hùng Vương, Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Bạch Đằng, Chi Lăng, v.v... Đều rất hiếm khi xuất hiện trên báo chí, truyền đơn của

Đảng. Ngược lại, Đảng luôn ra sức kêu gọi đấu tranh, kỉ niệm Cách mạng Tháng mười Nga, "ngày mất của 3L" [13], ngày Quốc tế lao động hay ngày Quốc tế chống chiến tranh (1.8).

Sau khi Chiến tranh thế giới II bùng nổ, Hồ Chí Minh đã trở về trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tháng 5 năm 1941, Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị Trung ương mở rộng, quyết định chuyển hướng chiến lược cách mạng, theo đó: "cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng" [14]. Do đó: "Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, dân tộc" [15].

Cũng tại hội nghị này, lần đầu tiên Đảng đã xác định rõ hơn nội hàm và ngoại diên của khái niệm "dân tộc". "Dân tộc" ở đây là khái niệm dùng để chỉ "dân tộc Việt Nam" nằm trong Liên Bang Đông Dương thuộc Pháp. Trên cơ sở đó, Đảng đã quyết định thành lập Việt Nam Độc lập Đồng minh - hình thức tổ chức mới của mặt trận dân tộc thống nhất, với phương châm tuyên truyền được xác định như sau: "*phải vận dụng một phương pháp hiệu triệu hết sức thống thiết, làm sao đánh thức được tinh thần dân tộc xưa nay trong nhân dân (hơn hết là dân tộc Việt Nam)*" [16]. Trên thực tế, phương châm này đã được quán triệt và triển khai trong tất cả các hoạt động tuyên truyền của Đảng và Mặt trận Việt Minh: các khẩu hiệu, biểu tượng và nội dung tuyên truyền mang nặng tinh thần đấu tranh giai cấp của thời kỳ trước hầu như được xóa bỏ hoàn toàn, trong khi đó, các tổ chức quần chúng đều được gọi là Cứu quốc hội, các chiến khu đều mang tên các vị anh hùng dân tộc hoặc các địa danh gắn với chiến công chống giặc ngoại xâm trong lịch sử. Hồ Chí Minh còn nêu gương sáng trong việc sử dụng lịch sử dân tộc để thức tỉnh tinh thần dân tộc, tinh thần yêu nước trong quần chúng nhân dân. Năm 1942 Người đã tự mình soạn ra tài liệu "*Lịch sử nước ta*" bằng văn vần để phục vụ công tác tuyên truyền.

*"Dân ta phải biết sử ta.*

*Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam."*

Với tính cách là một tài liệu tuyên truyền, tài liệu này là một bản hùng ca về truyền thống đấu tranh yêu nước, chống giặc ngoại xâm và là

lời hiệu triệu đồng bào đoàn kết dưới ngọn cờ của Việt Minh để đấu tranh cho độc lập, tự do của toàn dân tộc.

*"Hỡi ai con cháu Rồng Tiên!*

*Mau mau đoàn kết vững bền cùng nhau.*

.....

*Mai sau sự nghiệp hoàn thành*

*Rõ tên Nam Việt rạng danh Lạc Hồng".*

Việc trở về với đường lối cách mạng dân tộc chủ nghĩa của Hồ Chí Minh trên một tầm cao mới, phù hợp với điều kiện mới, chính là yếu tố cơ bản, quyết định nhất giúp cho Đảng Cộng sản Đông Dương quy tụ được sức mạnh của toàn dân tộc, và do đó đã giành được thắng lợi trong cuộc vận động cứu quốc, lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trong thời kỳ cận đại, trong bối cảnh của chế độ thuộc địa, văn đàn công khai không phải là nơi thích hợp để giới trí thức bản xứ có thể mở ra những cuộc trao đổi thấu đáo về vấn đề dân tộc. Tuy nhiên, rải rác cũng có những ý kiến được đưa ra, nêu những quan điểm khác nhau về lịch sử và về những đặc điểm cụ thể của dân tộc Việt Nam.

Những cuộc tranh luận học thuật về vấn đề dân tộc Việt Nam chỉ thực sự diễn ra từ sau năm 1954, chủ yếu là trong giới trí thức ở miền Bắc, đặc biệt là giữa các nhà sử học.

Bên cạnh vấn đề dân tộc, trong khoảng thời gian từ khoảng 1956 đến 1975 trong giới sử gia miền Bắc còn diễn ra những trao đổi học thuật sôi nổi xung quanh các vấn đề, như việc phân kỳ lịch sử Việt Nam, về sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, nhất là về vấn đề chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, về thời kỳ quá độ lên CNXH, về thời đại Hùng Vương, vấn đề nhận thức về cách mạng tháng Tám, nhận thức về Nho giáo trong lịch sử Việt Nam, v.v... Một số vấn đề nói trên còn được tiếp tục thảo luận sau khi nước nhà thống nhất, cùng với những vấn đề khác cũng được nêu ra, như quá trình phát triển của dân tộc, về Champa, Phù Nam, về việc đánh giá về các chúa Nguyễn và triều Nguyễn, về lịch sử chủ quyền quốc gia và về con đường đi lên CNXH, v.v...

Có thể thấy phần lớn các vấn đề đặt ra đều là những vấn đề cơ bản, có ý nghĩa quan trọng

trong nhận thức luận đối với lịch sử dân tộc, và quan trọng hơn, đều là những vấn đề có liên quan mật thiết với vấn đề dân tộc. Sau những cuộc thảo luận sôi nổi, kéo dài hàng thập kỷ, một số vấn đề về cơ bản giới sử gia Việt Nam gần như đã đạt tới nhận thức chung, nhưng nhiều vấn đề vẫn còn chưa được khép lại, tuy không khí trao đổi, tranh luận dường như ngày càng có phần kém sôi nổi hơn, trong đó có vấn đề dân tộc.

Nhìn lại những cuộc tranh luận của các nhà khoa học xã hội Việt Nam trong những thập kỷ 60, 70 và 80 của thế kỷ trước, trong đó có các cuộc thảo luận về vấn đề dân tộc, có thể dễ dàng nhận ra rằng các cuộc thảo luận đó đều dựa trên một nền tảng và khung khổ lý luận nhất định, đó là những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Mặc dù ý kiến của giới nghiên cứu về những điểm cụ thể có thể khác nhau, thậm chí là đối chọi nhau gay gắt, nhưng dường như không có ai “cả gan” vượt ra khỏi khung khổ lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Sự tham khảo thành tựu của giới nghiên cứu nước ngoài, nhất là các học giả phương Tây, cũng còn rất hạn chế, và được bộc lộ ra hết sức kín đáo trong một số nghiên cứu. Một số nhà sử học Liên Xô, Trung Quốc, Pháp v.v... có tham gia ở mức độ nhất định vào các cuộc trao đổi của các nhà khoa học Việt Nam. Vì vậy, có thể nhận định rằng tính chất của các cuộc tranh luận lịch sử, trong đó có vấn đề dân tộc Việt Nam trước năm 1986 chủ yếu là các cuộc đối thoại học thuật trong khuôn khổ lý luận Mác - Lênin và trong phạm vi Việt Nam.

Nhờ có các cuộc tranh luận sôi nổi và kéo dài hàng thập kỷ mà sử học Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn rất quan trọng. Nhiều vấn đề được trao đổi nhiều lần, đặt ra nhu cầu bức bách và khơi gợi ra nhiều định hướng và ý tưởng nghiên cứu mới, tạo tiền đề cho những khám phá khoa học có ý nghĩa. Có những vấn đề trước đây chỉ dừng lại ở mức độ nhận thức mơ hồ, thì trong quá trình tranh luận, tìm tòi, giới sử học đã đạt tới những thành tựu vô cùng to lớn. Tiêu biểu nhất là nhận thức về nền văn minh sông Hồng và thời đại Hùng Vương - thời

đại khởi nguyên của lịch sử quá trình dân tộc - đã đạt được những nhận thức khoa học vô cùng quan trọng nhờ vào kết quả nghiên cứu liên ngành khảo cổ học, dân tộc học, văn hóa, ngôn ngữ học và cổ sử. Tương tự như vậy, thành tựu nghiên cứu về lịch sử chống ngoại xâm, về cách mạng Việt Nam, về tổ chức nhà nước, lịch sử kinh tế, lịch sử làng xã, v.v... cũng đạt được nhiều thành tựu to lớn.

Tất cả những thành tựu nghiên cứu về các sự kiện, quá trình lịch sử cụ thể đó đã tạo nên nền tảng tri thức mới cho nhận thức về vấn đề dân tộc và lịch sử dân tộc. Tuy nhiên, việc tự giới hạn các cuộc trao đổi học thuật trong khuôn khổ của chủ nghĩa Mác - Lênin - thậm chí là trong những nguyên lý giáo điều của Stalin, cũng khiến cho nhiều vấn đề không thể giải quyết triệt để, thậm chí rơi vào bế tắc. Điều đáng ngạc nhiên là hầu như không có ai tiếp cận và vận dụng những luận điểm của Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc đã được Người phát biểu từ năm 1924. Có lẽ lúc đó bài viết của Người còn chưa được công bố. Ngay cả những tài liệu liên quan đến cuộc đấu tranh về đường lối trong Quốc tế Cộng sản và trong Đảng Cộng sản Đông Dương từ 1929 đến 1941 cũng không được tiếp cận và sử dụng trong nghiên cứu.

Bước vào thời kỳ Đổi mới, khoa học xã hội Việt Nam nói chung và sử học nói riêng khởi sắc và có nhiều chuyển biến mạnh mẽ. Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, đất nước đã và đang diễn ra nhiều chuyển biến sâu sắc với nhiều vấn đề phức tạp cần được tiếp cận và giải quyết từ nhiều phương diện, trong đó có lịch sử. Đây chính là yêu cầu khách quan đặt ra từ thực tiễn và cũng là điều kiện thuận lợi để nghiên cứu lịch sử đạt được những thành tựu mới, trong đó có cả vấn đề nhận thức về lịch sử quá trình dân tộc. Đồng thời, việc trao đổi học thuật với giới nghiên cứu nước ngoài, nhất là các nhà Việt Nam học ở phương Tây cũng được mở rộng. Bên cạnh các vấn đề cơ bản đã được tranh luận từ giai đoạn trước, một số vấn đề mới xuất hiện khiến cho cuộc tranh luận về lịch sử quá trình dân tộc Việt Nam càng trở nên sôi nổi, phức tạp hơn.

### 3. Một số vấn đề đặt ra trong nghiên cứu về dân tộc và lịch sử dân tộc Việt Nam

Về nội dung, có thể khái quát cuộc thảo luận về vấn đề dân tộc và lịch sử quá trình dân tộc Việt Nam từ sau năm 1954 đến nay như sau:

*Thứ nhất là vấn đề định nghĩa về dân tộc.*

Đây là vấn đề cơ bản nhất, quan trọng nhất, nhưng cũng là vấn đề phức tạp nhất. Trước năm 1986, nhìn chung giới nghiên cứu Việt Nam đều trình bày những kiến giải khác nhau của mình về cách định nghĩa dân tộc dựa trên hai cách tiếp cận: 1) Phân biệt khái niệm "dân tộc" dùng để chỉ cộng đồng quốc gia - dân tộc, tương đương với khái niệm "*nation*" trong tiếng Anh, với khái niệm "dân tộc" dùng để chỉ những tộc người khác nhau, tương đương với khái niệm "*ethnic*" trong tiếng Anh; 2) Phát triển các cách luận giải khác nhau về định nghĩa dân tộc dựa trên khái niệm "dân tộc" của Stalin.

*Thứ hai là vấn đề nguồn gốc và khởi nguyên dân tộc Việt Nam.* Đây là hai vấn đề có liên quan mật thiết với nhau và là những nội dung được các nhà nghiên cứu bàn thảo khá nhiều. Trước hết, về vấn đề nguồn gốc dân tộc Việt Nam, từ sau năm 1954 những kết quả nghiên cứu toàn diện về khảo cổ học, dân tộc học, ngôn ngữ học v.v... Đã mang lại nhiều nhận thức mới về thời tiền sử trên đất nước ta, đặc biệt là về nền văn minh sông Hồng và thời đại Hùng Vương. Nhiều "khoảng trống" đã được khóa lấp, nhiều điểm tồn nghi về cội nguồn dân tộc về cơ bản đã được giải quyết. Nhờ đó, nhận thức khoa học về nguồn gốc dân tộc Việt Nam đã được xác lập về căn bản, thay thế cho cách trình bày ước lệ, mơ hồ của các cuốn sử cũ vốn chỉ dựa trên dã sử và ký ức dân gian. Tuy nhiên, cho đến cuối những năm 70 của thế kỷ trước, do hạn chế trong cách nhìn nhận về dân tộc Việt Nam mà vẫn còn tồn tại trong nhiều thế hệ người Việt Nam, kể cả trong giới sử học, quan điểm đánh đồng nguồn gốc dân tộc Việt Nam với nguồn gốc của dân tộc Kinh/Việt - tộc người chiếm đa số trong thành phần dân cư - tộc người của dân tộc Việt Nam hiện nay. Đây là vấn đề liên quan đến cách hiểu và trình bày về khởi nguyên của dân tộc Việt

Nam. Mặc dù đã có nhiều cuộc trao đổi học thuật nghiêm túc, nhưng những cách nhìn nhận và trình bày chủ yếu vẫn nương theo một diễn trình lịch sử đơn tuyến từ nhà nước Văn Lang của các vua Hùng đến nhà nước Âu Lạc, rồi trải qua thời kỳ Bắc thuộc đến kỷ nguyên độc lập của nhà nước Đại Việt. Lịch sử của các tộc người thiểu số, của nền văn minh Sa Huỳnh, nhà nước Champa ở miền Trung và nhà nước Phù Nam ở phía nam cũng như các tương tác lịch sử dẫn đến sự hội nhập của những cộng đồng, những bộ phận này vào diễn trình lịch sử dân tộc còn rất ít được quan tâm. Phải đến giai đoạn sau, từ khoảng đầu thập kỷ thứ tám của thế kỷ 20 về sau, những thành tựu nghiên cứu cơ bản về miền Trung và miền Nam mới mang lại nhận thức đầy đủ hơn với cách trình bày toàn diện, khoa học hơn về khởi nguyên dân tộc Việt Nam.

*Thứ ba là vấn đề thời điểm ra đời của dân tộc Việt Nam.* Đây là một trong những chủ đề của nhiều cuộc tranh luận về vấn đề dân tộc Việt Nam kéo dài từ năm 1955 đến nay. Trải qua nhiều lần cọ xát ý tưởng, một mặt các nhà sử học Việt Nam đã cố gắng khai thác và vận dụng những quan điểm lý luận của Mác, Enghen, Lênin và Stalin về vấn đề dân tộc và sự hình thành dân tộc, đồng thời cũng chỉ ra những đặc điểm riêng về con đường hình thành dân tộc ở Á Đông và ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, nhìn chung giới nghiên cứu dần dần đều ngã theo, tán đồng quan điểm cho rằng dân tộc Việt Nam ra đời sớm, trước khi có CNTB. Nhưng vấn đề sớm đến mức nào thì ý kiến lại rất khác nhau: Có ý kiến cho rằng dân tộc Việt Nam đã ra đời ngay từ thời kỳ Hùng Vương dựng nước. Có ý kiến đề xuất mốc thời gian bắt đầu hình thành dân tộc Việt Nam vào khoảng thế kỷ 10, sau khi Việt Nam khôi phục được độc lập dân tộc và căn bản hoàn thành khoảng thế kỷ 15. Lại có ý kiến đề xuất vào khoảng thế kỷ 17 - 19, gắn với sự phát triển của mầm mống kinh tế TBCN, nhưng cho đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 vẫn chưa kết thúc. Cá biệt, có ý kiến nêu ra khái niệm "dân tộc XHCN Việt Nam" và đề xuất mốc bắt đầu quá trình hình thành dân tộc Việt Nam gắn với sự ra đời của Đảng Cộng

sản Việt Nam (1930) hoặc gắn với sự ra đời của nước VNDCCH (1945), thậm chí là gắn với mốc ra đời của nước CHXHCN Việt Nam, và quá trình đó vẫn còn đang tiếp diễn. Mỗi ý tưởng đều viện dẫn những cơ sở lý luận rút ra từ kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và nêu ra những căn cứ khoa học và thực tiễn từ những thành tựu nghiên cứu lịch sử Việt Nam. Cho dù cuối cùng, đại đa số các nhà sử học Việt Nam đều nghiêng về quan điểm cho rằng dân tộc Việt Nam ra đời sớm, với quá trình hình thành dân tộc đặc thù, nhưng những vướng mắc về lý luận dường như vẫn chưa bao giờ được giải quyết thỏa đáng.

*Thứ tư là con đường hay quá trình hình thành dân tộc Việt Nam, liên quan đến sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam.* Cuộc thảo luận về con đường hình thành dân tộc Việt Nam có liên quan mật thiết đến cuộc tranh luận xung quanh thời điểm ra đời của dân tộc Việt Nam. Trên cơ sở đó, cuộc thảo luận này mở rộng sang vấn đề nhận thức về sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam. Logic học thuật của các cuộc thảo luận này sẽ dẫn đến việc cò xát quan điểm mang tính nhận thức luận đối với toàn bộ lịch sử quốc gia - dân tộc và thậm chí liên quan đến cả các vấn đề đương đại nóng bỏng, như con đường đi lên CNXH của Việt Nam và vấn đề chủ quyền, lãnh thổ, thống nhất và li khai dân tộc, v.v...

Trong cuộc thảo luận về vấn đề dân tộc Việt Nam lúc đầu dường như chiếm ưu thế hơn là ý kiến của những người bám sát vào quan điểm của Stalin về dân tộc, coi đó như chuẩn mực lý luận duy nhất. Theo đó thì con đường hình thành dân tộc Việt Nam "không nằm ngoài quy luật phổ biến", phải gắn với sự phát triển của kinh tế hàng hóa và sự ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội TBCN. Nhưng trong quá trình tranh luận, quan điểm này ngày càng trở nên kém thuyết phục, rơi vào bế tắc sau khi đã xem xét sự xuất hiện và lụi tàn của của những mầm mống kinh tế hàng hóa xuất hiện ở Việt Nam trong khoảng thế kỷ 17 - 18. Sự du nhập của phương thức sản xuất TBCN dưới hình thức thực dân hóa của người Pháp vào Việt Nam

cũng không bù lấp được khoảng trống về cơ sở lịch sử của quan điểm lý luận này.

Một loại ý kiến khác xuất phát từ luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về bản chất giai cấp của dân tộc, và chắc hẳn ít nhiều chịu ảnh hưởng từ quan điểm của giới sử học "mác xít" ở một số nước XHCN trước đây, nhất là ở Liên Xô và CHDC Đức, gắn sự hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam XHCN với quá trình xây dựng CNXH ở nước ta. Quan điểm này ngày càng trở nên thiếu tính thuyết phục cả về phương diện lý luận và thực tiễn và trong những thập kỷ gần đây dường như không còn chỗ đứng trên các diễn đàn khoa học.

Loại ý kiến thứ ba ngày càng được đông đảo các nhà khoa học tán đồng là quan điểm cho rằng Việt Nam, cũng như nhiều dân tộc Á Đông khác, có con đường hình thành dân tộc riêng. Quan điểm này ngày càng được củng cố vững chắc hơn không chỉ dựa vào sự vận dụng những chỉ dẫn của Mác về "phương thức sản xuất châu Á", mà chủ yếu dựa trên kết quả nghiên cứu của giới sử gia Việt Nam về các giai đoạn lịch sử từ cổ đại đến hiện đại, bao gồm các lĩnh vực lịch sử kinh tế, xã hội, văn hóa, chính trị và lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Trong quá trình xây dựng, củng cố luận cứ cho các lập luận của mình, đã có những cuộc thảo luận sôi nổi về một số vấn đề: có hay không hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ trong lịch sử Việt Nam? Những đặc thù của chế độ phong kiến ở Việt Nam xét trên các phương diện cấu trúc kinh tế, tổ chức xã hội, tổ chức chính quyền? Vai trò của cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm trong quá trình hình thành và phát triển dân tộc? Quá trình hội nhập của các cộng đồng dân tộc thiểu số vào cộng đồng dân tộc Việt Nam? Quá trình xác lập chủ quyền lãnh thổ của dân tộc Việt Nam, v.v...

*Thứ năm là quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam.* Đây cũng là vấn đề được đặt ra trong quá trình thảo luận về vấn đề dân tộc. Nếu như ở phương Tây, các "quốc gia - dân tộc" được hình thành cùng với quá trình phát triển của phương thức sản xuất TBCN, và do đó, quá trình hình thành dân tộc diễn ra trong khoảng



thời gian lịch sử xác định, tương đối ngắn - khoảng một hai thế kỷ, thì ở phương Đông và Việt Nam, như đa số các nhà sử học tán đồng, quá trình hình thành dân tộc bắt đầu sớm hơn, nhưng cũng kéo dài hơn. Vấn đề tiếp theo được đặt ra trong giới nghiên cứu trên thế giới là: sau khi đã hình thành và định hình thì dân tộc có quá trình phát triển hay không? Có những dân tộc sau khi hình thành đã trở thành đế chế (*empire*), như các cường quốc thực dân thời cận đại: Anh, Pháp, Hà Lan, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, v.v..., hoặc trở thành những siêu cường, như dân tộc Nga, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, v.v..., hoặc trở thành những cường quốc kinh tế như Nhật Bản, Trung Quốc, v.v... Vậy quá trình này có thể coi là sự "phát triển" của dân tộc hay không? Đối với trường hợp thứ nhất, rõ ràng là sự bành trướng của các cường quốc thực dân là một hình thức phát triển và bành trướng quyền lực và ảnh hưởng của các dân tộc đó, song khó có thể coi là dân tộc đó đã "phát triển" đến một trình độ văn minh cao hơn hoặc mở rộng về cương vực hay không gian văn hóa, bởi lẽ các thuộc địa, dù tồn tại rất lâu dưới sự thống trị của chính quốc và trở thành những bộ phận của đế chế, nhưng chưa bao giờ chính quốc thực sự coi đó là những bộ phận hữu cơ, tích hội của dân tộc mình. Thực tế là, với sự tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ thì các đế chế cũng sụp đổ, và chính quốc lại trở về với tầm vóc, quy mô "lõi" của mình, trong khi các xứ thuộc địa đã khẳng định bản thể của mình với tư cách là các quốc gia - dân tộc mới. Trường hợp các siêu cường của thế kỷ 20 lại khác. Sự phát triển ở đây chỉ được hiểu là sự gia tăng, bành trướng mạnh mẽ quyền lực và tầm vóc ảnh hưởng của chúng trên thế giới chứ không làm thay đổi quy mô hay bản thể các dân tộc đó. Tương tự là các trường hợp cường quốc kinh tế.

Đối với dân tộc Việt Nam thì sao? Ngày nay nhiều nhà sử học Việt Nam đều nhất trí cho rằng dân tộc Việt Nam ra đời sớm và quá trình hình thành bắt đầu vào khoảng thế kỷ 10, đạt đến độ trưởng thành và khoảng thế kỷ 15. Vậy, quá trình tương tác, thâm hội với Champa, Chân Lạp và các cộng đồng dân cư và lãnh thổ khác ở miền Trung và miền Nam sẽ được hiểu thế nào?

Rõ ràng, đây lại là một vấn đề phức tạp, nhạy cảm, cần có một sự lý giải khoa học phù hợp.

Cần phải nhắc lại rằng đã từng tồn tại một cách nhìn nhận khá phổ biến trong nhiều thế hệ sử gia Việt Nam mang nặng định kiến "Đại Việt" đối với lịch sử quá trình dân tộc Việt Nam. Lịch sử quá trình hội nhập của các cộng đồng dân cư phía miền Trung đất nước ngày nay vào dân tộc Việt Nam đã từng được nhận thức phiến diện, coi đó như quá trình "Nam tiến" của người Việt. Cuộc chiến tranh giữa Champa và Đại Việt với phần thắng cuối cùng thuộc về Đại Việt từng được coi như những "võ công" của dân tộc, khiến cho không ít sử gia từng coi Chiêm Thành là "địch", và đặt việc "Nam bình Chiêm" ngang với "Bắc chống Tống". Tương tự, quá trình hội nhập của các cộng đồng dân cư Nam Bộ vào dân tộc Việt Nam cũng từng được nhìn nhận như quá trình "mở cõi" của người Việt!

Những kết quả nghiên cứu trong khoảng trên dưới ba thập kỷ lại đây đã cung cấp những cứ liệu lịch sử ngày càng đầy đủ hơn, cho thấy cần phải nhận thức lại quá trình dân tộc Việt Nam từ khoảng thế kỷ 10 đến nay, trong đó đặc biệt phải quan tâm đến quá trình hội nhập nhiều mặt, bao gồm chính trị, kinh tế, văn hóa, tâm linh của các cộng đồng người thiểu số vào cộng đồng dân tộc Việt Nam. Cộng đồng người đa số (Kinh/Việt) chiếm ưu thế, tạo nên yếu tố nền tảng, yếu tố "lõi" của bản thể dân tộc Việt Nam, nhưng không vì thế mà thôn tính, đồng hóa, áp bức các cộng đồng thiểu số. Thống nhất cao trên cơ sở một tinh thần dân tộc, ý thức cộng đồng và chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, thống nhất trong/của đa dạng chính là đặc điểm lớn trong quá trình dân tộc Việt Nam.

*Thứ sáu là một số nội dung cơ bản nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam: quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, tư tưởng v.v...* Những thành tựu nghiên cứu về lịch sử dân tộc Việt Nam của các nhà khoa học Việt Nam và nước ngoài đã đạt được trong sáu thập kỷ vừa qua là vô cùng to lớn, góp phần quyết định vào việc nhận thức ngày càng đầy đủ và chân thực hơn về lịch sử quá trình dân tộc Việt Nam.

Trước hết, phải kể đến *thành tựu nghiên cứu về lịch sử quân sự*, trong đó chủ yếu là lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Những nghiên cứu trong lĩnh vực này đã góp phần làm sáng tỏ vai trò của cuộc đấu tranh chống ngoại xâm trong quá trình dựng nước và giữ nước; làm rõ vai trò và các hình thái phát triển của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam trong các thời kỳ lịch sử và đây chính là một trong những yếu tố quan trọng nhất dẫn đến việc hình thành sớm của dân tộc Việt Nam và đồng thời cũng là một yếu tố quan trọng nhất thử thách, tôi luyện và khẳng định sức mạnh cố kết cộng đồng của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, nhìn nhận lại, có thể nói cho đến nay dường như giới nghiên cứu cả ở Việt Nam và nước ngoài, vì những lý do nào đó, mà chưa đầu tư tâm sức, trí tuệ đầy đủ cho việc nghiên cứu những tương tác quân sự khác trong lịch sử Việt Nam, ngoài lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm. Chắc chắn trong tương lai, những nghiên cứu về vấn đề này sẽ góp phần hữu ích vào việc hiểu rõ hơn vai trò và ý nghĩa của những tương tác quân sự này trong diễn trình lịch sử dân tộc ta.

*Thành tựu nghiên cứu về lịch sử chính trị Việt Nam*, đặc biệt là về lịch sử nhà nước và về lịch sử cách mạng Việt Nam cũng góp phần đáng kể vào việc nhận thức về lịch sử quá trình dân tộc. Sự xuất hiện và liên tục được củng cố của xu hướng tập quyền thống nhất trong lịch sử chính trị, trong đó tiêu biểu là sự ra đời và phát triển của nhà nước trung ương tập quyền là một yếu tố quan trọng góp phần dẫn tới sự ra đời sớm và củng cố của dân tộc Việt Nam thống nhất trong thời tiền cận đại. Những thành tựu nghiên cứu về lịch sử các phong trào yêu nước và cách mạng trong các thời kỳ cận đại và hiện đại cũng góp phần chỉ ra rằng, bất kỳ phong trào nào, dù chịu ảnh hưởng của tư tưởng chính trị nào và trong bất kỳ hoàn cảnh nào, nếu tách rời khỏi chủ nghĩa yêu nước/chủ nghĩa dân tộc Việt Nam thì lúc đó, phong trào đó đi xuống và thất bại. Ngược lại, phong trào nào, đảng phái nào biết phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước/chủ nghĩa dân tộc Việt Nam thì phong trào đó, đảng phái đó giành được thắng lợi. Lịch sử cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng

sản lãnh đạo là minh chứng rõ nhất cho các nhận định trên.

*Thành tựu nghiên cứu về lịch sử kinh tế và xã hội* dường còn khá khiêm tốn so với nhu cầu nhận thức về lịch sử dân tộc, nhưng những nghiên cứu của giới sử gia Việt Nam về tăng nền kinh tế, nhất là về phương thức tổ chức sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp và sự phát triển và suy tàn của kinh tế hàng hóa trong những giai đoạn của mầm mống kinh tế hàng hóa, v.v... đã chỉ ra những đặc trưng riêng biệt của lịch sử Việt Nam giai đoạn tiền cận đại. Tương tự, những nghiên cứu về quan hệ xã hội, nhất là về tổ chức xã hội nông thôn và tính chất không triệt để trong phân hóa xã hội thời tiền cận đại càng khẳng định tính chất đặc thù của xã hội Việt Nam truyền thống. Tất cả những thành tựu này đã đặt nền tảng cho những nhận thức về tính chất đặc thù của quá trình dân tộc Việt Nam trước khi chủ nghĩa thực dân phương Tây đưa đến những yếu tố mới của cơ sở kinh tế - xã hội cận đại.

Các nghiên cứu về kinh tế - xã hội Việt Nam thời cận đại thường gắn với và hướng tới những cách giải thích khác nhau về nguyên nhân cội nguồn của phong trào yêu nước và cách mạng, cho nên thường bỏ qua việc phân tích những tác động trực tiếp và vô cùng quan trọng của những chuyển biến kinh tế và xã hội ấy đối với lịch sử quá trình dân tộc Việt Nam. Xin nêu ra một số ví dụ: Trong nhiều nghiên cứu được công bố ở nước ngoài, các nhà sử học đều nhấn mạnh đến chính sách "chia để trị" (*divide et impera*) của thực dân Pháp, trong khi bỏ qua việc chính người Pháp đã đưa đến cho đất nước này lần đầu tiên trong lịch sử một hệ thống giao thông (đường sắt và đường bộ) khá hiện đại thống nhất trên phạm vi toàn quốc, từ Bắc đến Nam, từ những trung tâm (Hà Nội, Saig Gòn, Huế) tới các vùng núi và nông thôn xa xôi. Cùng với đó là hệ thống truyền tin và phương tiện truyền thông đại chúng hiện đại. Đây chính là những yếu tố rất quan trọng góp phần củng cố khối thống nhất của dân tộc Việt Nam trên một nền tảng mới mà trước đó chưa bao giờ có được. Chính trên nền tảng mới này mà các giao lưu, tương tác văn hóa, xã hội liên

vùng ngày càng diễn ra mạnh mẽ hơn, đặt cơ sở cho việc phát triển của các cuộc vận động chính trị, xã hội, văn hóa trên phạm vi toàn quốc, trong đó có các cuộc vận động dân tộc, dân chủ.

Trong giai đoạn hiện đại, từ 1945 đến 1975, có thể nói chưa bao giờ vận mệnh dân tộc, chủ quyền quốc gia và tính thống nhất dân tộc lại bị đặt trước những thử thách khốc liệt đến như vậy, nhưng cũng chưa bao giờ sức mạnh, hào khí của chủ nghĩa dân tộc và ý chí thống nhất lại bộc lộ mạnh mẽ như vậy. Trong bối cảnh những diễn biến lịch sử ở Việt Nam không khỏi bị quốc tế hóa theo những cách thức và ở những mức độ khác nhau, nhưng không vì thế mà Việt Nam trở thành "phòng trò" (*showroom*) và là hình ảnh thu nhỏ của cuộc Chiến tranh lạnh. Kết cục của tất cả những quá trình lịch sử đó đã cho thấy: tinh thần dân tộc quật cường và ý chí thống nhất dân tộc đã vượt lên trên mọi thử thách và giành thắng lợi vào mùa xuân năm 1975. Tuy nhiên, có thể nói việc nghiên cứu về hành trình đi tới thắng lợi của chủ nghĩa dân tộc Việt Nam từ 1945 đến 1975 về cơ bản vẫn còn ở phía trước.

Trong thời kỳ Đổi mới và hội nhập quốc tế, dường như chủ nghĩa dân tộc Việt Nam đang có những chuyển biến rất cơ bản và vấn đề dân tộc lại được quan tâm mạnh mẽ hơn, nhất là trong mối liên hệ với cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và vấn đề hội nhập quốc tế cùng với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, ngoài những khảo cứu về các vấn đề chuyên biệt, dường như chưa có nhiều những trao đổi, tranh luận học thuật về cơ sở lý luận của vấn đề dân tộc trong bối cảnh mới của thời đại.

*Thứ bảy là vấn đề tính thống nhất của dân tộc Việt Nam.* Như đã chỉ ra ở trên, trong nghiên cứu lịch sử Việt Nam đã từng tồn tại một xu hướng đồng nhất "dân tộc Việt Nam" với "dân tộc Việt/Kinh", tức là với cộng đồng tộc người đa số. Càng về sau, giới nghiên cứu ở Việt Nam và nước ngoài gần như đi đến nhận thức chung, rằng dân tộc Việt Nam là cộng đồng của tất cả (54) tộc người hiện sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, cũng như đã trình bày ở trên, những nghiên cứu về lịch sử

quá trình quá trình hình thành và phát triển của cộng đồng dân tộc được coi như một thể "thống nhất của/trong đa dạng" đó vẫn còn rất nhiều khoảng trống. Vì vậy, đã xuất hiện một xu hướng hoài nghi về tính thống nhất (*unity*) và tính duy nhất (*unique*) của dân tộc Việt Nam. Xu hướng này, lúc đầu khởi xướng bởi sử gia người Mỹ Keith Well Taylor, và sau đó được tán đồng bởi một số học giả nước ngoài, như Patricia Pelly [17], Li Tana [18], Nola Cook [19], Choi Byung Wook [20], và James C. Scott [21] v.v... Gần đây (2013) K.W. Taylor đã công bố một chuyên khảo đồ sộ "*A History of the Vietnamese*" [22]. Lập luận của Taylor và một số tác giả nói trên bắt đầu từ chỗ chỉ ra những khác biệt về phong tục, tập quán, ngôn ngữ, các mô hình tổ chức xã hội, truyền thống, v.v... giữa các vùng miền, các địa phương. Trên cơ sở đó, họ đề cao quá mức tính chất địa phương chủ nghĩa (*regionalism*) và phủ nhận sự tồn tại của chủ nghĩa dân tộc (*nationalism*) ở Việt Nam, trong quá khứ cũng như hiện tại. Họ cho rằng chủ nghĩa dân tộc Việt Nam thực chất chỉ mang tính chất những định hướng bề mặt (*surface orientation*) [23] mà thôi. Do đó, không tồn tại một Việt Nam thống nhất, một Việt Nam duy nhất trong lịch sử cũng như hiện tại [24].

Như vậy là trên phương diện học thuật, tính thống nhất và duy nhất của dân tộc Việt Nam lại một lần nữa bị thách thức, cần phải được đặt ra, nghiên cứu và nhận thức một cách thấu đáo. Điều này càng trở nên quan trọng trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự bùng phát của chủ nghĩa ly khai và sự can thiệp thô bạo của một số cường quốc vào các xung đột sắc tộc, địa phương ở các khu vực khác nhau trên thế giới sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc.

*Thứ tám là vấn đề chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa dân tộc Việt Nam.* Trong bối cảnh đất nước hàng chục năm ròng phải tập trung toàn bộ tinh thần và lực lượng vào cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm thì chắc chắn đây là một trong những chủ đề được giới sử học Việt Nam quan tâm nhất và được đề cập nhiều nhất trong hầu hết tất cả các công trình nghiên cứu về lịch sử Việt Nam. *Tuy nhiên, cách tiếp cận và thành tựu nghiên cứu về vấn đề này đã và vẫn đang*

*bộc lộ khá nhiều khoảng trống.* Thứ nhất, trong nghiên cứu, dường như chỉ có rất ít người chú tâm phân định sự tương đồng và khác biệt về nội hàm của hai khái niệm "chủ nghĩa yêu nước" (*patriotism*) và "chủ nghĩa dân tộc" (*nationalism*), và do vậy, xu hướng chung là đồng nhất chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa dân tộc, tinh thần yêu nước với ý thức dân tộc. Thứ hai, chỉ có rất ít những nghiên cứu tìm cách khám phá và luận giải về nguồn gốc của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Điều dễ nhận thấy nhất là trong nghiên cứu cũng như trong tuyên truyền, dường như người ta chỉ gắn chủ nghĩa yêu nước với cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, thậm chí cho rằng truyền thống lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm chính là nguồn gốc (duy nhất) của chủ nghĩa yêu nước! Thứ ba, dường như thiếu vắng hoàn toàn những nghiên cứu về cơ chế bộc lộ và phát huy tác động của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Thứ tư, gần đây, có một số tập thể hoặc cá nhân nhà nghiên cứu tổ chức những cuộc khảo sát xã hội học về mức độ và tác động của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Trên cơ sở đó người ta cố gắng đoán định và định vị chủ nghĩa yêu nước trong thang giá trị của xã hội hoặc các nhóm xã hội cụ thể. Kết quả nghiên cứu rất khác nhau, thậm chí mâu thuẫn với nhau khiến không ít người hoài nghi về giá trị đích thực và vai trò của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế.

Bên cạnh tám vấn đề cơ bản trên đây, trong nghiên cứu về vấn đề dân tộc và lịch sử quá trình dân tộc Việt Nam giới sử gia Việt Nam và nước ngoài còn quan tâm đến một số vấn đề khác, như vấn đề quan hệ giữa dân tộc Việt Nam với các quốc gia, dân tộc trong khu vực và trên thế giới, vấn đề phương pháp trình bày lịch sử quá trình dân tộc Việt Nam, v.v...

### Tài liệu tham khảo

- [1] Carr, Edwards H., Was ist Geschichte? Verlag W. Kohlhammer, Stuttgart-Berlin, 1963.
- [2] Ngô Sĩ Liên, "Bài tựa sách Đại Việt Sử ký ngoại kỷ toàn thư", in trong: Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Lê

- thần thời Lê, Đại Việt Sử ký toàn thư, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998.
- [3] Ngô Sĩ Liên, "Biểu dâng sách Đại Việt Sử ký toàn thư", in trong: Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Lê, Đại Việt Sử ký toàn thư, tập 1, sđd, tr. 101.
- [4] Ngô Sĩ Liên, sđd, tr. 99 và 101.
- [5] Phan Bội Châu, Toàn tập, tập 2, Nxb Thuận Hóa và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông - Tây, 2001, tr. 32.
- [6] Phan Bội Châu, sđd, tr. 34.
- [7] Phan Bội Châu, sđd, tr. 132 và 133.
- [8] Phan Bội Châu, sđd, tr. 152.
- [9] Phan Bội Châu, sđd, tr. 327.
- [10] Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 466.
- [11] Hồ Chí Minh, sđd, tr. 465.
- [12] Hồ Chí Minh, sđd, tr. 464.
- [13] "3L" là cách nói tắt của thời đó, chỉ ba lãnh tụ cách mạng là Lenin, Luxemburg và Liebknecht
- [14] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 7, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 119.
- [15] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 7, sđd, tr. 113.
- [16] Sách trên, tr. 122.
- [17] Xem: Pelly, Patricia, Postcolonial Vietnam. The Histories of National Past, Duke University Press, 2002.
- [18] Xem: Li, Tana, "An Alternative Vietnam. The Nguyen Kingdom in the 17<sup>th</sup> and 18<sup>th</sup> Centuries", in: Journal of Southeast Asian Studies, March 1998.
- [19] Cook, Nola, "Southern Regionalism and the Composition of the Nguyen Ruling Elite (1802-03)", in: Asian Studies Review, 23:2, June 1999, pp.227-8.
- [20] Choi, Byung Wook, Southern Vietnam under the Reign of Ming Mang: Central Policies and Local Response. Ithaca, New York, Cornell Southeast Asian Program, 2002.
- [21] Scott, James C., The Art of Not Being Governed: an Anarchist History of Upland Southeast Asia, Yale University Press, New Haven and London, 2009.
- [22] Taylor, Keith W., A History of the Vietnamese, Cambridge University Press, 2013.
- [23] Thuật ngữ của Keith W. Taylor. Xem: Taylor, K.W, "surface orientation in Vietnam: Beyond Histories of Nation and Region", in trong: Journal of Asian Studies, 57, 4 (September 1998), 949-978.
- [24] Taylor, Keith W, A History of the Vietnamese, Cambridge University Press, 2013, tr. 625.

## Nation and the National Issue in the Study of Vietnamese History

Pham Hong Tung

*VNU Institute of Vietnamese Studies and Development Science, 336 Nguyen Trai, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** Nation and Nationalism are among the most important issues in historical studies in general as well as in studies on Vietnamese history in particular. In this paper, the author tries to review and analyze the ways in which generations of Vietnamese historians have applied to deal with the nation and national issues. Then, he goes into a deep analysis of eight problems which Vietnamese historians and foreign scholars have faced and discussed fiercely while exploring the Vietnamese nation and nationalism. Those problems are: the definition of nation, the origins and the birth of Vietnamese nation, the relationship between Vietnamese patriotism and Vietnamese nationalism, history of the national process and the development of Vietnamese nation, the identity and characteristics of Vietnamese nation etc. In this article, the author provides not only his own opinions on the named issues but also suggests new ideas for further studies on the history of Vietnamese nation.

*Keywords:* Nation, Nationalism, Historical Studies, History of Vietnam.